

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HSST
Ngày 25/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM TỈNH BÌNH THUẬN**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tâm

2. Ông Trần Giao Hưng

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ông Lê Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/HSST ngày 13/3/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HS ngày 10/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H.T.Th**; Sinh năm: 1992, tại Bình Thuận; Tên gọi khác: Quậy; Giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn Đăng Th, xã M.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bán buôn; Trình độ học vấn: 01/12; Tiền án, tiền sự: Không; con của ông Huỳnh Tuấn Sơn – sinh năm 1954, đã chết; con của bà Nguyễn Thị Yến – sinh năm 1956, làm nông; Gia đình có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo; Vợ: Ng.Đ. H.Y – sinh năm 2003, nghề nghiệp: làm nông; Con: có 01 người con, sinh năm 2021; Tất cả cùng trú tại thôn Đăng Th, xã M.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 19/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hàm Thuận Nam. Từ ngày 19/10/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ng.Th. TH.A – 1984 (có mặt)

Địa chỉ: thôn D.C, xã H.Th1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Ng.Đ. H.Y – 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đăng Th, xã M.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

- Người làm chứng

1. H.Tr.Ph – 1995 (có mặt)

Địa chỉ: thôn D.Th2, xã H.Th1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2. Ph.H.Kh – 1990 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 8, Th phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. C.Th.M.T1 – 1993 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, phường Lạc Đạo, Th phố Phan Thiết , tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo H.T.Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 22/3/2022, Ng.Th. TH.A (sinh năm 1984, trú thôn D.C, xã H.Th1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận) vay 50.000.000 đồng của H.T.Th (sinh năm 1992, trú thôn Đăng Th, xã M.M, huyện Hàm Thuận Nam) với lãi suất thỏa thuận là 40%/tháng (tức mỗi tháng tiền lãi là 20.000.000 đồng), Th thu lãi trước 10.000.000 đồng (tức thu lãi của 15 ngày đầu tiên) và chỉ đưa cho TH.A số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, TH.A đã vay của Th thêm 04 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng vào các ngày 26/3/2022, 24/4/2022, 15/5/2022 và 25/5/2022 với cách tính tiền lãi và cũng thu trước 10.000.000 đồng như lần vay đầu tiên. Trong quá trình vay, TH.A đã trả cho Th thêm 20.000.000 đồng tiền lãi. Vì không có tiền trả tiền lãi nên ngày 25/5/2022, Th tính tổng cả tiền lãi và tiền gốc TH.A vay của Th là 300.000.000 đồng. Đến ngày 25/8/2022, Th tính tổng tiền lãi và tiền gốc Th 730.000.000 đồng và yêu cầu TH.A viết giấy nhận nợ là 730.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2022, Th tính tổng tiền lãi và tiền gốc Th 900.000.000 đồng, nên Th cùng với H.Tr.Ph (sinh năm 1995, trú thôn D.Th2, xã H.Th1, huyện Hàm Thuận Nam), Ph.H.Kh (sinh năm 1990, trú khóm 1, phường 8, Th phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), C.Th.M.T1 (sinh năm 1993, trú khu phố 6, phường Lạc Đạo, Th phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) đến nhà TH.A, yêu cầu TH.A viết giấy nhận nợ là 900.000.000 đồng. Khi đã viết giấy xong thì bị lực lượng Công an phát hiện và yêu cầu về trụ sở làm việc. (Bút lục: 54-71, 77-86)

Tang vật tạm giữ: (Bút lục: 23, 54, 55)

- 01 giấy mượn tiền ngày 25/8/2022 với số tiền mượn là 730.000.000 đồng;
- 01 giấy mượn tiền ngày 10/10/2022 với số tiền mượn là 900.000.000 đồng.

H.T.Th đã cho Ng.Th. TH.A vay tiền với lãi suất khoảng 40%/tháng, tương đương khoảng 480%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Vậy lãi suất mà Th cho Anh vay đã vượt quá 5 lần cho phép (01 năm là 100%).

Số tiền lãi mà Th thực tế đã nhận tính đến ngày 25/5/2022 là 70.000.000 đồng. Còn tiền lãi tính đến ngày 10/10/2022 mà Anh phải trả cho Th là 900.000.000 đồng - 250.000.000 + 70.000.000 đồng = 720.000.000 đồng.

Tiền lãi thực tế mà Th được phép nhận của Anh qua các lần cho vay được tính như sau:

+ 50.000.000 đồng vào ngày 22/3/2022 tính đến ngày 10/10/2022 (202 ngày) là: 50.000.000 đồng x (20%:365)x202 = 5.534.246 đồng.

+ 50.000.000 đồng vào ngày 26/3/2022 tính đến ngày 10/10/2022 (198 ngày) là: 50.000.000 đồng x (20%:365)x198 = 5.424.657 đồng.

+ 50.000.000 đồng vào ngày 24/4/2022 tính đến ngày 10/10/2022 (170 ngày) là: 50.000.000 đồng x (20%:365)x170 = 4.657.534 đồng.

+ 50.000.000 đồng vào ngày 15/5/2022 tính đến ngày 10/10/2022 (149 ngày) là: 50.000.000 đồng x (20%:365)x149 = 4.082.191 đồng.

+ 50.000.000 đồng vào ngày 25/5/2022 tính đến ngày 10/10/2022 (139 ngày) là: 50.000.000 đồng x (20%:365)x139 = 3.808.219 đồng.

Tổng số tiền lãi mà Th thực tế được phép nhận từ việc cho Anh vay 250.000.000 đồng tính đến ngày 10/10/2022 là: 3.808.219 đồng + 4.082.191 đồng + 4.657.534 đồng + 5.424.657 đồng + 5.534.246 đồng = 23.506.847 đồng.

Như vậy tổng tiền thu lợi bất chính mà Th sẽ được nhận tính đến ngày 10/10/2022 từ việc cho Anh vay 250.000.000 đồng là 720.000.000 đồng - 23.506.847 đồng = **696.493.153 đồng**. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế mà Th đã nhận là 70.000.000 đồng - 23.506.847 đồng = 46.493.153 đồng.

Cáo trạng số 31/CT-VKSHTN-HS ngày 10/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam truy tố bị cáo H.T.Th về tội: “cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo H.T.Th phạm tội *“cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Áp Dụng: khoản 2 Điều 201, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt H.T.Th tù 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Về vật chứng: Đề nghị tuyên:

Buộc Ng.Th. TH.A phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng)

Buộc bị cáo H.T.Th nộp 23.506.847 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng) (tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép là 20%/năm) sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo H.T.Th trả lại cho Ng.Th. TH.A khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 46.493.153 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả, thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt, không tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy

tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo H.T.Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận này phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ; phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, do đó đã đủ cơ sở xác định:

Bị cáo H.T.Th là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được việc cho vay lãi nặng vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì háms lợi mà bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, đã thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, cụ thể là vào các ngày 22/3/2022, 26/3/2022, 24/4/2022, 15/5/2022 và 25/5/2022 H.T.Th cho Ng.Th. TH.A vay mỗi lần 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 40%/tháng, Th thu lãi trước đối với các lần là 10.000.000 đồng (tức thu lãi của 15 ngày đầu tiên) và chỉ đưa cho TH.A số tiền 40.000.000 đồng trong các lần vay. Trong quá trình vay, TH.A đã trả cho Th thêm 20.000.000 đồng tiền lãi. Vì không có tiền trả tiền lãi nên đến ngày 10/10/2022, Th tính tổng tiền lãi và tiền gốc Th 900.000.000 đồng và yêu cầu TH.A viết giấy nhận nợ là 900.000.000 đồng. Khi đã viết xong giấy nhận nợ thì bị lực lượng Công an phát hiện. Như vậy, H.T.Th đã cho Ng.Th. TH.A vay với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, với lãi suất khoảng 40%/tháng (tương đương 480%/năm), với tổng tiền thu lợi bất chính sẽ nhận tính đến ngày 10/10/2022 là 696.493.153 đồng.

Hành vi của bị cáo H.T.Th là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý về tài chính, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố là có cơ sở, đúng với quy định pháp luật.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Th khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra bị cáo còn có di ruột là người có công với cách mạng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án, việc cho vay của bị cáo là để kiếm lời nuôi con, không phải hoạt động cho vay lãi nặng có tính chất băng nhóm; bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo Th công dân tốt cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy mượn tiền ngày 25/8/2022 với số tiền mượn là 730.000.000 đồng; 01 giấy mượn tiền ngày 10/10/2022 với số tiền mượn là 900.000.000 đồng, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 250.000.000 đồng mà H.T.Th cho Ng.Th. TH.A vay. Đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nước. Hiện nay, số tiền này Ng.Th. TH.A đang giữ;

Đối với số tiền 70.000.000 đồng tiền lãi thực tế mà Th đã nhận của TH.A, trong đó có 46.493.153 đồng là tiền người phạm tội thu lợi bất chính từ người vay, nên cần trả lại cho người vay là bà Anh; Đối với số tiền 23.506.847 đồng (tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép là 20%/năm), không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Đối với C.Th.M.T1, Ph.H.Kh, H.Tr.Ph là những người đi cùng với Th đến nhà TH.A. Những người này không biết việc Th cho TH.A vay 250.000.000

đồng với lãi suất cao mà chỉ chúng kiến việc Th và TH.A làm giấy nhận nợ 900.000.000 đồng, nên không có căn cứ xử lý đối với những người này.

Đối với bà Ng.Đ. H.Y là vợ của bị cáo H.T.Th, quá trình điều tra xác định Yến không biết, không tham gia thực hiện vào quá trình bị cáo H.T.Th thực hiện hành vi cho vay lãi nặng; đồng thời số tiền mà Th cho TH.A vay là tài sản riêng của Th do Th vay từ người khác, do đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý Ng.Đ. H.Y với vai trò đồng phạm với bị cáo là có cơ sở.

[8] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H.T.Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo H.T.Th, phạm tội: *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt H.T.Th 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án 25/4/2023.

Giao bị cáo H.T.Th cho Ủy ban nhân dân xã M.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[2] Xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo H.T.Th nộp 23.506.847 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng) (tương ứng với mức lãi suất cho vay được phép là 20%/năm) sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo H.T.Th trả lại cho Ng.Th. TH.A khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 46.493.153 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Buộc Ng.Th. TH.A phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H.T.Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ng.Th. TH.A, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ng.Đ. H.Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Hàm Thuận Nam;
- CCTHADS Hàm Thuận Nam;
- Công an Hàm Thuận Nam;
- Người TGT;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Vũ

